

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ- ST

Ngày 31-8-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hồng Tường

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lò Thị Khua

2. Bà Trần Thị Hoài

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Linh Đức Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Hồi 13 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022. về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn S, sinh năm 1987; Căn cước công dân số: 002087001535, cấp ngày 25/04/2021; Do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ công an cấp; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Địa chỉ: Đội II, thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt có lý do;

*Bị đơn:* Chị Phàn Thị H; sinh năm 1985; Căn cước công dân số: 002185007920, cấp ngày 25/3/2022; do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ công an cấp; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Địa chỉ: Đội II, thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ghi ngày 27/6/2022 của Anh Đặng Văn S trình bày: Anh và Chị Phàn Thị H xây dựng gia đình do hai bên gia đình sắp đặt, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 14 năm. Đến đầu năm năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau,

dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm của vợ chồng không còn bền chặt, sự mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không cải thiện được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh như vậy sẽ gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt và sự ràng buộc lẫn nhau. Anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Phạm Thị H;

Về con chung: Quá trình chung sống anh S với chị H có với nhau 03 con chung, họ tên các cháu là: Đặng Văn V, sinh ngày 12/02/2004; Đặng Phương L, sinh ngày 01/10/2006; Đặng Thị H, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay 03 cháu đang ở với chị Hoa. Khi chấm dứt quan hệ về con do cháu Viễn đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu L, cháu H thì anh S có nguyện vọng giao cháu L và cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành;

Về tài sản, công nợ chung, về tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh S còn trình bày do điều kiện cá nhân anh không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Tại phiên tòa bị đơn Chị Phạm Thị H vắng mặt chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử (HĐXX) công bố biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt của chị H quan điểm, ý kiến của chị H như sau: Chị và Anh Đặng Văn S về chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2002 tại thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh H không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn và hai bên không còn quan hệ tình cảm từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh S có đơn yêu cầu ly hôn chị hoàn toàn nhất trí;

Về con chung: Quá trình chung sống chị H với anh S có với nhau 03 con chung, họ tên các cháu là: Đặng Văn V, sinh ngày 12/02/2004; Đặng Phương L, sinh ngày 01/10/2006; Đặng Thị H, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay 03 cháu đang ở với chị H. Khi chấm dứt quan hệ về con do cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu L, cháu H thì chị H nhận nuôi và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành;

Về tài sản, công nợ chung, về tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 63, Điều 69, Điều 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại Tòa án quy định tại Điều 70,71,72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Quan điểm giải quyết vụ án:*

Căn cứ điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 của QH v/v Thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của UBTVQH về Thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của Anh Đặng Văn S đối với Chị Phan Thị H;

- Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Đặng Văn S và Chị Phan Thị H

- Về con chung: Do cháu Đặng Văn V, sinh ngày 12/02/2004, đã trưởng thành nên không xem xét; Giao hai cháu Đặng Phương L, sinh ngày 01/10/2006 và Đặng Thị H, sinh ngày 01/01/2008 cho Chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định bản án có hiệu lực pháp luật;

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết;

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh S phải chịu án phí theo quy định;

- Về quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của Anh Đặng Văn S về việc xin ly hôn với Chị Phan Thị H được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn S và Chị Phan Thị H xây dựng gia đình do hai bên gia đình sắp đặt và được tổ chức theo phong tục tập quán địa

phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 2002, anh S và chị H không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 14 năm. Đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị H. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Anh Đặng Văn S và Chị Phan Thị H không tuân thủ theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình không đăng ký kết hôn mặc dù anh S, chị H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của UBTVQH về "Thi hành Luật hôn nhân và gia đình" và điểm b khoản 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của UBTVQH về Thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận Anh Đặng Văn S và Chị Phan Thị H là vợ chồng;

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh S với chị H có với nhau 03 con chung, họ tên các cháu là: Đặng V, sinh ngày 12/02/2004; Đặng Phương L, sinh ngày 01/10/2006; Đặng Thị H, sinh ngày 01/01/2008. Khi chấm dứt quan hệ do cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc hai bên cùng thống nhất giao cho chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Phương L, cháu Đặng Thị H, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành là không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận;

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đặng Văn S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật. Anh S còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định;

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của Anh Đặng Văn S đối với Chị Phan Thị H;

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Đặng Văn S và Chị Phan Thị H;

3. Về con chung: Do cháu Đặng Văn V, sinh ngày 12/02/2004, đã trưởng thành nên không xem xét; Giao hai cháu Đặng Phương L, sinh ngày 01/10/2006 và Đặng Thị H, sinh ngày 01/01/2008 cho Chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định bản án có hiệu lực pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định;

4. Về tài sản, công nợ: Không có;

5. Về án phí: Anh Đặng Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh S đã nộp theo biên lai số 0002261 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh S còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng);

6. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồng Tường**

